TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 829/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Bùi Thị Phụng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1279/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2019/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2019/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1991

Địa chỉ: A Thành Công, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Nguyễn Thanh C, sinh năm 1986

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T xác định: Bà và ông Lê Nguyễn Thanh C chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Bình Thạnh. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai bất đồng về mọi mặt, ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn. Con chung không có.

Tài sản chung bà T xác định không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nợ

chung bà xác định không có.

Bị đơn ông Lê Nguyễn Thanh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà T (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

* Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu "Ly hôn" với ông Lê Nguyễn Thanh C căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông C cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Nguyễn Thanh C nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2]Về nội dung:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Nguyễn Thanh C chung sống với nhau từ năm 2015 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2015 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2015 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại Tòa, bà T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Nguyễn Thanh C. Có cơ sở xác định quá trình chung sống, hai ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã có nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông C đã được tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức không muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình. Như vậy

mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Nguyễn Thanh C.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

2-/ Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0023038 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3-/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng